|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**------------------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc----------------------** |
|  | *Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2017* |

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

**GIAI ĐOẠN 2017-2020**

**I. CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2017-2020**

Chiến lược phát triển khoa Quản lý đất đai đến năm 2030, tàm nhìn đến năm 2035 ngày 6/5/2017

**II. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI GIAI ĐOẠN 2017-2020**

**1. Kế hoạch thực hiện chiến lược về đào tạo giai đoạn 2017-2020**

***1.1. Mục tiêu chiến lược***

- Giữ vững quy mô đào tạo các hệ sau đại học, đại học với trung bình quy mô đào tạo là 1.450 sinh viên hệ đại học và 60 học viên sau đại học; tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên trung bình hàng năm là 85,0%.

- Từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng dạy, cán bộ phục vụ, cử giảng viên đi làm nghiên cứu sinh.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thư viện, phòng thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Phát triển chương trình đào tạo, nâng cao số lượng và chất lượng giáo trình, tăng cường nguồn học liệu qua nhiều kênh, đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Phấn đấu đến năm 2020, chương trình đào tạo hệ Đại học ngành Quản lý đất đai được Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phấn đấu đến năm 2020, mở ngành đào tạo chất lượng cao ngành Quản lý đất đai và chương trình đào tạo ngành Bất động sản hệ Đại học

***1.2. Giải pháp về đào tạo***

- Tiếp tục mở rộng hợp lý quy mô đào tạo đại học và sau đại học, đa dạng hoá các loại hình đào tạo trên cơ sở phù hợp với yêu cầu xã hội, điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, ngành nghề đào tạo.

- Duy trì chỉ tiêu tuyển quy mô bình quân hàng năm 1.450 sinh viên; mở rộng qui mô loại hình đào tạo liên thông cao đẳng – đại học và trung cấp – đại học, đào tạo cấp bằng kỹ sư ngành thứ 2 cho sinh viên chính quy học đồng thời, các loại hình khác ổn định như hiện nay.

- Nghiên cứu nhu cầu xã hội mở ngành và các chuyên ngành có nhu cầu cao trên cơ sở phù hợp với năng lực và điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất. (Giai đoạn 2017 - 2020 Lập đề án đề nghị Bộ Giáo dục – Đào tạo phê duyệt đào tạo đại học ngành Bất động sản)

- Đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo hướng kết hợp, hợp lý giữa đào tạo tri thức nghề nghiệp với kỹ năng thực hành, năng lực sáng tạo. Từng bước tiếp cận chương trình đào tạo tiến tiến của thế giới, khu vực phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, ứng dụng các phương tiện hiện đại làm bước đột phá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng chuyên ngành Quản lý đất đai trở thành ngành mũi nhọn trong đào tạo. Thực hiện xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao bằng hình thức đào tạo theo chương trình tiên tiến, liên kết đào tạo đồng cấp bằng với các đại học nước ngoài những ngành có lợi thế.

- Đổi mới công tác tổ chức, biên soạn, nghiệm thu giáo trình nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo tính khoa học, cập nhật và chính xác. Nội dung giáo trình bài giảng cần đổi mới theo hướng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội đặt ra của đất nước, của khu vực.

- Cải tiến và đa dạng hoá hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo khách quan, chính xác. Từng bước xây dựng và thống nhất quản lý ngân hàng đề thi ở tất cả các học phần cho mọi loại hình đào tạo trong Khoa.

- Chuyên nghiệp hoá các hoạt động PR, marketing để giới thiệu tiềm năng, thế mạnh, các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu của Khoa với các tổ chức, cá nhân để tìm kiếm các đơn “đặt hàng” (đào tạo, nghiên cứu…), tài trợ (học bổng, tài chính…) và thu hút những sinh viên giỏi, cán bộ lãnh đạo, quản lý trong và ngoài nước đến học tập, nghiên cứu tại trường.

- Gắn bó chặt chẽ công tác đào tạo của Khoa với nhu cầu xã hội và thị trường lao động, áp dụng cho các phương thức đào tạo phù hợp với thực tế phát triển của xã hội.

- Phát triển mạng lưới cựu sinh viên để kết nối, khai thác tiềm năng, thế mạnh đóng góp cho sự phát triển của Khoa.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai để tiến tới Kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo.

**2. Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2017-2020**

***2.1. Mục tiêu chiến lược***

- Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn việc nghiên cứu khoa học với đòi hỏi thực tế của công tác quản lý đất đai, với nhu cầu doanh nghiệp nhu cầu xã hội.

- Nâng cao trình độ và năng lực đội ngũ giảng viên và đội ngũ phục vụ, nghiên cứ khoa học của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

***2.2. Các giải pháp thực hiện***

 **Nhóm giải pháp 1. Mở rộng quy mô, lĩnh vực nghiên cứu; ưu tiên các hướng nghiên cứu chiến lược, mũi nhọn và liên ngành**.

- Phát triển các nghiên cứu mũi nhọn và liên ngành.

- Xây dựng và triển khai các nghiên cứu cơ bản theo mục tiêu.

- Tăng cường hợp tác về KHCN với các đối tác trong và ngoài nước.

**Nhóm giải pháp 2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả KHCN.**

- Phát triển nguồn nhân lực KHCN.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động KHCN.

- Đầu tư có chọn lọc cho các đề tài, dự án KHCN được ứng dụng vào thực tiễn

- Cập nhật kết quả KHCN vào chương trình đào tạo (dưới dạng chuyên đề/học phần tự chọn/bổ sung vào chương trình học phần).

**Nhóm giải pháp 3. Tăng cường hoạt động KHCNcủa người học**.

- Tăng cường hoạt động KHCN của SV.

- Gắn kết các đề tài luận văn, luận án với đề tài NCKH của GV.

**Nhóm giải pháp 4. Phát triển hệ thống thông tin KHCN và quảng bá.**

- Xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu về KHCN.

- Tăng cường trao đổi thông tin KHCN qua Internet.

- Định kỳ tổ chức các sự kiện KHCN: Hội chợ nghiên cứu, Ngày mở, Hội chợ việc làm cho SV...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các giải pháp** | **Giai đoạn 2017 - 2020** | **Giai đoạn 2021 - 2030** |
| **Nhóm giải pháp 1. Mở rộng quy mô, lĩnh vực nghiên cứu; ưu tiên các hướng nghiên cứu chiến lược, mũi nhọn và liên ngành**. |
| **1.1.Phát triển các nghiên cứu mũi nhọn và liên ngành** | **Nghiên cứu mũi nhọn**-  Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật đất đai trên nguyên tắc tiếp tục duy trì chế độ sở hữu toàn dân về đất đai, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho đất đai tham gia thị trường bất động sản;- Nghiên cứu hoàn thiện xây dựng hệ thống thông tin đất đai thành một bộ phận của Hệ thống dữ liệu Quốc gia.- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ đăng ký giao dịch đất đai trực tuyến;- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác định giá đất và xây dựng hệ thống hồ sơ, cơ sở dữ liệu vùng giá trị đất; | **Nghiên cứu mũi nhọn**-  Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật đất đai trên nguyên tắc tiếp tục duy trì chế độ sở hữu toàn dân về đất đai, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho đất đai tham gia thị trường bất động sản;- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện xây dựng hệ thống thông tin đất đai thành một bộ phận của Hệ thống dữ liệu Quốc gia. |
|  | **Nghiên cứu liên ngành**- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính về đất đai; nghiên cứu đề xuất các giải pháp sử dụng các công cụ tài chính trong quản lý đất đai nhằm ngăn chặn tình trạng lãng phí, sử dụng kém hiệu quả, tham nhũng, đầu cơ trong lĩnh vực đất đai; | **Nghiên cứu liên ngành**- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính về đất đai; nghiên cứu đề xuất các giải pháp sử dụng các công cụ tài chính trong quản lý đất đai nhằm ngăn chặn tình trạng lãng phí, sử dụng kém hiệu quả, tham nhũng, đầu cơ trong lĩnh vực đất đai; |
| **1.2. Xây dựng và triển khai các nghiên cứu cơ bản theo mục tiêu** | - Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống điều tra, đánh giá tiềm năng và hiệu quả sử dụng đất phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.- Nghiên cứu xây dựng và vận hành hệ thống đăng ký đất đai hiện đại; xây dựng hệ thống thống kê, kiểm kê đất đai tự động hóa, hồ sơ địa chính dạng số.- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gắn liền với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;- Xây dựng cơ sở dữ liệu vùng giá trị đất phục vụ công tác định giá đất, đánh giá đất, chất lượng đất và dự báo biến động về giá đất; | - Tiếp tục nghiên cứu xây dựng và vận hành hệ thống đăng ký đất đai hiện đại; xây dựng hệ thống thống kê, kiểm kê đất đai tự động hóa, hồ sơ địa chính dạng số.- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gắn liền với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;- Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu vùng giá trị đất phục vụ công tác định giá đất, đánh giá đất, chất lượng đất và dự báo biến động về giá đất; |
| **1.3. Tăng cường hợp tác về KH CN trong và ngoài nước** | - 3% đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu trong nước.  | - 5% đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu trong nước. - 2% đề tài, dự án nghiên cứu HTQT . |
| **Nhóm giải pháp 2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả NCKH** |
| 2.1. Phát triển nguồn nhân lực KHCN | - Có 100 TS, 15 PGS, 3 GS. - Mở 3-5 lớp bồi dưỡng chuyên môn sâu/năm. | - Có 250 TS, 50 PGS, 10 GS. - Mở 5-10 lớp bồi dưỡng chuyên sâu/năm |
| 2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy NCKH và CGCN | Các văn bản về cơ chế, chính sách hoạt động NCKH và CGCN; Cơ chế khuyến khích SV, học viên CH, NCS tham gia NCKH; thi đua khen thưởng, khuyến khích NCKH. | - Các văn bản được tiếp tục rà soát và bổ sung, sửa đổi. |
| 2.3. Đầu tư có chọn lọc cho các đề tài, dự án KHCN được ứng dụng vào thực tiễn | - 5% đề tài, dự án ứng dụng có hiệu quả vào thực tiễn. - 2% đề tài, dự án được đăng ký bản quyền. | - 15% đề tài, dự án ứng dụng có hiệu quả vào thực tiễn. - 5% đề tài, dự án được đăng ký bản quyền. |
| 2.4. Cập nhật kết quả NCKH vào chương trình đào tạo | - 20% các kết quả nghiên cứu mới được đưa vào chương trình đào tạo.- 3 đầu sách chuyên khảo được xuất bản. | - 50% các kết quả nghiên cứu mới được đưa vào chương trình đào tạo. - 10 đầu sách chuyên khảo được xuất bản. |
| **Nhóm giải pháp 3. Tăng cường hoạt động NCKH của người học.** |
| 3.1. Tăng cường hoạt động NCKH của SV | - 10% đề tài NCKH có SV, học viên, NCS tham gia. - 3% SV tham gia NCKH. | - 30% đề tài NCKH có SV, học viên, NCS tham gia.- 10% SV tham gia NCKH |
| 3.2. Gắn kết các đề tài luận văn, luận án với đề tài NCKH của GV | - 10% đề tài khóa luận, luận văn, luận án gắn với các đề tài NCKH của GV. | - 30% đề tài khóa luận, luận văn, luận án gắn với các đề tài NCKH của GV. |
| **Nhóm giải pháp 4. Phát triển hệ thống thông tin KH&CN và quảng bá.** |
| 4.1. Xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu về KHCN | - Hoàn chỉnh CSDL điện tử về tạp chí điện tử, thông tin KHCN và các nhà khoa học;  | - CSDL điện tử về tạp chí điện tử, thông tin KHCN và các nhà khoa học tiếp tục cập nhật và nâng cao;  |
| 4.2. Tăng cường trao đổi thông tin KHCN qua Internet | Tạp chí, bản tin KHCN trao đổi với 5 cơ sở giáo dục và nghiên cứu trong và ngoài nước. | Tạp chí, bản tin KHCN trao đổi với 10 cơ sở giáo dục và nghiên cứu trong và ngoài nước. |
| 4.3. Định kỳ tổ chức các sự kiện: Hội chợ nghiên cứu Ngày mở, Hội chợ việc làm… | - 10% sinh viên có đề tài NCKH, học viên CH, NCS tham gia hội chợ nghiên cứu; có 2-3 doanh nghiệp tham gia hội chợ để trao đổi cơ hội hợp tác.- Ba năm tổ chức 1-2 sự kiện KHCN với sự tham gia của các đơn vị trong và ngoài trường. | - 30 % sinh viên có đề tài NCKH, học viên CH, NCS tham gia hội chợ NC; có ít nhất 5 doanh nghiệp tham gia để trao đổi cơ hội hợp tác. - Tổ chức Ngày mở với sự tham gia của các DN hoạt động trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH của Trường. |

**3. Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2017- 2020**

***3.1. Mục tiêu chiến lược***

- Qui hoạch phát triển đội ngũ cán bộ viên chức đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công cuộc đổi mới của ngành Giáo dục và Đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhân lực kỹ thuật cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Đến năm 2020 có 100% cán bộ, giảng viên đạt trình độ trên đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), trình độ ngoại ngữ và tin học có thể làm việc trực tiếp với các đại học của khu vực và thế giới.

- Mỗi chuyên ngành đào tạo phải có ít nhất 2 chuyên gia đầu ngành làm hạt nhân để củng cố, phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy.

***3.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ***

Cơ cấu trình độ cán bộ, giảng viên đến năm 2020 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ cấu** | **Năm 2019** | **Năm 2020** |
| *1* | ***Cán bộ, giảng viên*** | ***43*** | ***48*** |
| - | CBGD trình độ GS, PGS | 0 | 01 |
| - | CBGD trình độ Tiến sĩ | 07 | 10 |
| - | CBGD trình độ Thạc sĩ | 35 | 37 |
| - | CBGD trình độ Đại học | 01 | 0 |
|  *2* | ***Cán bộ phục vụ (2)*** | ***02*** | ***02*** |
|  | **Cộng (1 + 2)** | **45** | **50** |

***3.3. Giải pháp phát triển đội ngũ***

**- Phát triển về số lượng:** Phát triển về số lượng là đảm bảo đủ số lượng GV đạt chuẩn về trình độ, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của khoa. Để thực hiện được điều này cần phải làm tốt các nhiệm vụ cụ thể sau:

(1) Tuyển chọn SV tốt nghiệp loại giỏi của trường và một số trường trọng điểm quốc gia cử đi đào tạo ThS, TS về làm giảng viên;

(2) Tuyển chọn bồi dưỡng HV tốt nghiệp Thạc sỹ và Tiến sỹ, ưu tiên Tiến sỹ và các Thạc sỹ tốt nghiệp ở nước ngoài.

(3) Ký kết hợp đồng giảng dạy, NCKH, hợp tác với các nhà khoa học trong nước và quốc tế và GS, PGS, TS, GVC đã nghỉ hưu.

**- Phát triển về chất lượng:** Để phát triển chất lượng đội ngũ giảng viên, khoa cần tiến hành:

 (1) Đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên hoặc định kỳ để đảm bảo cho giảng viên có đủ năng lực chuyên môn, cập nhật được kiến thức mới;

 (2) Sử dụng đúng người, đúng việc để phát huy năng lực chuyên môn của giảng viên;

(3) Thực hiện đánh giá, sàng lọc, đưa ra khỏi đội ngũ giảng viên những người không có đủ năng lực thực hiện chức năng của giảng viên hoặc chỉ ra những tiêu chuẩn, tiêu chí chưa đạt để tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và thúc đẩy họ tự học, tự đào tạo nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**- Phát triển về cơ cấu:** Cơ cấu đội ngũ giảng viên bao gồm tỷ lệ đạt chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học …); tỷ lệ về ngành nghề đào tạo; tỷ lệ giới tính; tỷ lệ theo độ tuổi để đảm bảo tính kế thừa và phát triển. Phát triển về cơ cấu đội ngũ giảng viên cần bám sát mục tiêu chiến lược phát triển của khoa và nhà trường, chiến lược phát triển của ngành, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

(1) Huy động và khai thác mọi nguồn lực để đội ngũ viên chức có điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học.

(2) Mở lớp và liên kết với các trường, học viện đào tạo bồi dưỡng tại chỗ (Thạc sỹ, Tiến sỹ, ngoại ngữ, tin học, quản lý giáo dục, quản lý Nhà nước. v. v.).

(3) Tập trung bồi dưỡng đội ngũ đầu đàn theo hướng giao chỉ tiêu và đầu tư kinh phí, ít nhất mỗi bộ môn có 1 đầu đàn, mỗi ngành từ 2 chuyên gia trở lên.

 (4) Tranh thủ sự hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH để đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

(5) Xây dựng mới cơ chế, chính sách để thu hút và khuyến khích nhân tài.

(6) Tiếp tục lựa chọn, bổ nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý theo qui trình và bảo đảm đủ tiêu chuẩn và chỉ số tín nhiệm cao của Đảng ủy và công chức, viên chức.

|  |
| --- |
| **Trưởng Khoa***Đã ký***TS. Phạm Anh Tuấn** |